

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 14/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận và bà Nguyễn Minh Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công- Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Huân – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vương Văn C, T gọi khác: Không; Sinh ngày 17/7/1969; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vương Văn H và bà Đặng Thị L; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là bà Đặng Thị H1; có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa

2. Trần Thế T1, T gọi khác: Không; sinh ngày 30/6/1971; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Đại học; con ông Trần Thế V và bà Triệu Thị L1; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị T2; có 03 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: chưa;

Bị cáo tại ngoại - có mặt tại phiên tòa

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; địa chỉ: thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đặng Thị H1, sinh năm 1971; địa chỉ: thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương

Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vương Văn C và Trần Thế T1 là bạn bè quen biết do cùng làm nghề chụp ảnh và trong hội làm ảnh với nhau. Ngày 06/01/2024, Trần Thế T1 được một người phụ nữ tên Hồ Phương T3 (*không rõ tuổi, địa chỉ*) quen biết trên mạng xã hội “zalo” đặt mua 02 chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B giả, 02 chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh trình độ B giả cấp cho Hồ Phương T3, Lê Quỳnh A với số tiền 12.000.000 đồng, T1 đồng ý. T3 chuyển vào tài khoản số 0341.007.210.214 mở tại ngân hàng V1 của T1 trước số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi được cung cấp các thông tin theo yêu cầu của T3, T1 liên hệ và chuyển các thông tin do T3 cung cấp cho Vương Văn C bằng “zalo” để làm 04 chứng chỉ giả trên với tiền công là 2.000.000 đồng, C đồng ý.

Vương Văn C sử dụng máy tính tải mẫu ảnh chứng chỉ tin học và ngoại ngữ trên mạng internet về rồi sử dụng phần mềm photoshop (*phần mềm chỉnh sửa ảnh*) để chỉnh sửa thông tin trên chứng chỉ theo thông tin do T1 cung cấp. Sau khi chỉnh sửa xong thì C sử dụng máy in màu để in các chứng chỉ trên.

Khoảng 13 giờ ngày 08/01/2024, T1 điều khiển xe đạp điện đến nhà C lấy 04 chứng chỉ giả đã thuê làm và trả cho C số tiền 2.000.000 đồng rồi mang đến khu vực khu đô thị N, xã H, huyện N để giao cho người phụ nữ tên T3 và lấy số tiền còn lại thì bị lực lượng Công an huyện N phát hiện lập biên bản thu giữ vật chứng.

Quá trình điều tra, thu giữ tại nhà Vương Văn C 31 tem tròn bảy màu ghi “*Bộ giáo dục và đào tạo*”, 01 Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B giả cấp cho Vương Văn C do C sử dụng phần mềm photoshop để làm vào khoảng tháng 10/2018. Ngày 04/11/2022, C photo chứng chỉ tin học giả trên thành 02 bản sau đó chứng thực 01 bản giao nộp cho Ban tổ chức huyện ủy N, đồng thời 01 bản nộp vào hồ sơ cán bộ công chức của bị cáo quản lý tại UBND xã M.

Tại Kết luận giám định số 36/KL-KTHS ngày 19/02/2024 của Phòng K, Công an tỉnh H:

** Mẫu cần giám định:*

- 01 (Một) Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B đứng tên Hồ Phương T3, đề ngày 08/06/2020 (ký hiệu A1);
- 01 (Một) Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ B đứng tên Hồ Phương T3, đề ngày 14/8/2019 (ký hiệu A2);
- 01 (Một) Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B đứng tên Lê Quỳnh A, đề ngày 08/02/2022 (ký hiệu A3);
- 01 (Một) Chứng chỉ ngoại ngữ Tiếng Anh trình độ B đứng tên Lê Quỳnh A, đề ngày 14/8/2021 (ký hiệu A4);
- 01 (Một) Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B đứng tên Vương Văn C, đề ngày 05/8/2013 (ký hiệu A5);
- 02 (Hai) Tờ giấy màu vàng có dán tem tròn 07 màu có nội dung Bộ G (ký hiệu A6, A7).

** Mẫu so sánh:*

- 01 (Một) Bản thu thập mẫu dấu của Trung tâm N, không đề ngày (ký hiệu M1);
- 03 (Ba) Thông báo tổ chức bồi dưỡng, thi và cấp chứng chỉ chuẩn kỹ năng CNTT theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Trung tâm N; cùng đề ngày 13/7/2017 (ký hiệu M2 → M4);
- 01 (Một) Quyết định v/v thành lập Hội đồng thi C1 kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản của Trường Đại học Đ, đề ngày 01/11/2018 (ký hiệu M5);
- 01 (Một) Công văn v/v cử viên chức dự tuyển NCS năm 2013 của trường Đại học S, đề ngày 31/7/2013 (ký hiệu M6);
- 01 (Một) Công văn v/v tập huấn tuyển sinh ĐHCĐ năm 2013 của trường Đại học S, đề ngày 17/6/2013 (ký hiệu M7);
- 01 (Một) Thông báo v/v mua bảo hiểm y tế bắt buộc đối với học sinh, sinh viên của trường Đại học S, đề ngày 19/8/2013 (ký hiệu M8).

** Kết luận về đối tượng giám định*

- Người có mẫu chữ ký đứng tên Giám đốc Trịnh Hữu T4 trên các mẫu so sánh (ký hiệu M2 → M5) không ký ra chữ ký đứng tên Giám đốc Trịnh Hữu T4 trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1 → A4).
- Con dấu đóng ra hình dấu có nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC HDIU TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ” trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) không đóng ra hình dấu có cùng nội dung trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1 → A4). Hình dấu tròn có nội dung “TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ TIN HỌC HDIU TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1 → A4) được tạo ra bằng phương pháp in màu.
- Người có mẫu chữ ký đứng tên Hiệu trưởng PGS.TS. Nguyễn Văn M trên các mẫu so sánh (ký hiệu M6 → M8) không ký ra chữ ký đứng tên Hiệu trưởng PGS.TS. Nguyễn Văn M trên mẫu cần giám định (ký hiệu A5).
- Con dấu đóng ra hình dấu có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI” trên các mẫu so sánh (ký hiệu M6 → M8) không đóng ra hình dấu có cùng nội dung trên mẫu cần giám định (ký hiệu A5). Hình dấu tròn có nội dung “TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A5) được tạo ra bằng phương pháp in màu.
- Phôi các chứng chỉ, tem tròn gửi giám định (ký hiệu A1 → 47) không có mẫu so sánh nên không tiến hành giám định.

Kết luận giám định số 449/KL-KTHS ngày 21/02/2024 của Phòng K, Công an tỉnh N: phục hồi, trích xuất dữ liệu tin nhắn văn bản SMS, Facebook M1, Zalo trên điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus thu giữ của Trần Thế T1, điện thoại nhãn hiệu Oppo A16 thu giữ của Vương Văn C, 01 máy tính thu giữ của Vương Văn C.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) phong bì niêm phong số 36/KL-KTHS của Phòng K, Công an tỉnh H bên trong chứa: 01 chứng chỉ tin học ứng dụng, trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ, trình độ B cấp cho Hồ Phương T3; 01 chứng chỉ tin học ứng dụng, trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ, trình độ B cấp cho Lê Quỳnh A; 01 chứng chỉ tin học trình độ B cấp cho Vương Văn

C; 31 tem tròn bảy màu ghi “Bộ G và đào tạo”; 01 máy Scan hiệu Epson màu đen, được dán niêm phong, 01 bàn phím hiệu Dell màu đen, 01 PC máy tính, 01 máy in màu hiệu Canon, 01 chuột máy tính hiệu Dell màu đen, 01 máy ép plastic, 01 màn hình màu trắng hiệu HKC, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 lắp sim số 0966275520, số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Vương Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus lắp sim số 0964387563, 01 xe đạp điện màu đen thu giữ của Trần Thế T1 hiện đang được quản lý tại kho vật chứng chờ xử lý.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS-NS ngày 31/5/2024, Viện kiểm sát nhân huyện N, tỉnh Hải Dương truy tố Vương Văn C, Trần Thế T1 về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; Vương Văn C về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vương Văn C, Trần Thế T1 phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; bị cáo Vương Văn C phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Về hình phạt: căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 55 và 38 Bộ luật hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo Vương Văn C từ 24 đến 27 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và từ 6 đến 9 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị : Xử phạt bị cáo Trần Thế T1 từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; *Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo; Về vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 36/KL-KTHS của Phòng K, Công an tỉnh H bên trong chứa: 01 chứng chỉ tin học ứng dụng, trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ, trình độ B cấp cho Hồ Phương T3; 01 chứng chỉ tin học ứng dụng, trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ, trình độ B cấp cho Lê Quỳnh A; 01 chứng chỉ tin học trình độ B cấp cho Vương Văn C; 31 tem tròn bảy màu ghi “Bộ G và đào tạo”; Tịch thu phạt mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị, 01 bàn phím hiệu Dell màu đen, 01 PC máy tính, 01 máy in màu hiệu Canon, 01 chuột máy tính hiệu Dell màu đen, 01 máy ép plastic, 01 màn hình màu trắng

hiệu HKC. Hoàn trả ½ giá trị tài sản trên cho bà Đặng Thị H1; Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước ½ giá trị 01 xe đạp điện màu đen thu giữ của Trần Thế T1. Hoàn trả ½ giá trị chiếc xe trên cho bà Nguyễn Thị T2. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 lắp sim số 0966275520, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus lắp sim số 0964387563 thu giữ của Trần Thế T1; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Vương Văn C; Hoàn trả bị cáo Vương Văn C và bà Đặng Thị H1 01 máy Scan hiệu Epson màu đen, được dán niêm phong *(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách)*.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, VKSND huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/01/2024, Trần Thế T1 được một người phụ nữ tên Phương T3 (*không rõ địa chỉ cụ thể*) quen biết trên mạng xã hội “zalo” đặt mua 02 chứng chỉ tin học, 02 chứng chỉ ngoại ngữ giả với số tiền 12.000.000 đồng, T1 đồng ý. Sau khi được cung cấp các thông tin theo yêu cầu của T3, T1 liên hệ và chuyển các thông tin trên cho Vương Văn C để làm giả 04 chứng chỉ trên với số tiền 2.000.000 đồng, C đồng ý. Khoảng 13 giờ ngày 08/01/2024, T1 đến nhà C lấy 04 chứng chỉ trên và mang đến khu vực khu đô thị N, xã H, huyện N để giao cho người phụ nữ tên T3 thì bị lực lượng Công an huyện N phát hiện lập biên bản thu giữ vật chứng.

Ngoài ra, ngày 04/11/2022, Vương Văn C photo 01 chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B giả cấp cho bị cáo do bị cáo làm giả vào khoảng tháng 10/2018 thành 02 bản, sau đó chứng thực 01 bản giao nộp cho Ban tổ chức huyện ủy N, đồng thời 01 bản đưa vào hồ sơ cán bộ công chức của bị cáo được quản lý tại Ủy ban nhân dân xã M.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng

vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo làm giả 04 tài liệu của cơ quan tổ chức nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vương Văn C sử dụng tài liệu giả để đưa vào hồ sơ cán bộ công chức của mình được quản lý nên hành vi sử dụng tài liệu giả này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong đó, T1 là người trung gian liên hệ giữa người có nhu cầu mua tài liệu giả với người làm giả được tài liệu là Vương Văn C với mục đích kiếm lời. Cụ là người tiếp nhận ý chí của T1 và trực tiếp thực hiện hành vi làm giả các tài liệu trên để kiếm lời. Như vậy, C là người trực tiếp làm giả các tài liệu trên nên giữ vai trò chính còn T1 giữ vai trò đồng phạm.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu. Các bị cáo nhận thức được hành vi in ấn các loại giấy tờ, tài liệu giả giống như các loại tài liệu thật của cơ quan tổ chức đang sử dụng để sử dụng vào việc trái pháp luật là hành vi trái pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo C là người có nhiều thành tích xuất sắc được UBND huyện N, UBND xã M tặng giấy khen trong thời gian công tác tại UBND xã M; Bố mẹ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huân huy chương; bản thân bị cáo có nhiều đóng góp trong việc phòng chống C2, ủng hộ C, ủng hộ các thôn trong xã xây dựng cơ sở hạ tầng như xây nhà văn hoá, tu bổ các di tích lịch sử tại địa phương có xác nhận của Chủ tịch UBND xã M nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Trong vụ án trên bị cáo C còn phạm tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức nên cần tổng hợp hình phạt của hai tội theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo. Do bị cáo phạm nhiều tội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ bản thân bị cáo C sức khỏe yếu hiện vẫn đang điều trị bệnh Ung thư Đại tràng giai đoạn 4; UBND xã M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T1 quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương đã ủng hộ Covid; quỹ vì người nghèo xã N; ủng hộ các hộ nghèo tỉnh Điện Biên nên

cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Bị cáo T1 lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là hiện lao động tự do, không có tài sản riêng; bị cáo C lại đang bị bệnh Ung thư – bệnh hiểm nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 (một) phong bì niêm phong số 36/KL-KTHS của Phòng K, Công an tỉnh H bên trong chứa: 01 chứng chỉ tin học ứng dụng, trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ, trình độ B cấp cho Hồ Phương T3; 01 chứng chỉ tin học ứng dụng, trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ, trình độ B cấp cho Lê Quỳnh A; 01 chứng chỉ tin học trình độ B cấp cho Vương Văn C; 31 tem tròn bảy màu ghi “*Bộ giáo dục và đào tạo*” cần tịch thu cho tiêu huỷ; Đối với 01 bàn phím hiệu Dell màu đen, 01 PC máy tính, 01 máy in màu hiệu Canon, 01 chuột máy tính hiệu Dell màu đen, 01 máy ép plastic, 01 màn hình màu trắng hiệu HKC thu giữ tại nhà của Vương Văn C là công cụ sử dụng vào việc phạm tội cần phát mại sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên đây là tài sản chung của vị cáo Vương Văn C và vợ là bà Đặng Thị H1 (bà H1 không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội) nên cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị các tài sản trên và hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên cho bà Đặng Thị H1; Đối với 01 máy Scan hiệu Epson màu đen được dán niêm phong thu giữ nhà nhà Vương Văn C3 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần hoà trả lại cho bị cáo bà Đặng Thị H1; Đối với 01 xe đạp điện màu đen thu giữ của Trần Thế T1 là phương tiện phạm tội. Tuy nhiên đây là tài sản chung của bị cáo cùng vợ là bà Nguyễn Thị T2 (bà T2 không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội) nên Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chiếc xe trên và hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trên cho bà Nguyễn Thị T2; Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 lắp sim số 0966275520 thu giữ của Vương Văn C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus lắp sim số 0964387563 thu giữ của Trần Thế T1 là công cụ phạm tội cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Vương Văn C là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách;

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với hành vi làm giả 01 Chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B giả do bị cáo Vương Văn C làm vào cuối tháng 10/2018 đến nay hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với người phụ nữ tên Hồ Phương T3 mua chứng chỉ giả không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C; điểm c khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 và khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vương Văn C và Trần Thế T1 phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Tuyên bố bị cáo Vương Văn C phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vương Văn C 02 (hai) năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và 06 (sáu) tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù thời hạn tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thế T1 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; *Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự; Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 36/KL-KTHS của Phòng K, Công an tỉnh H bên trong chứa: 01 chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B cấp cho Hồ Phương T3; 01 chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ B và 01 chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B cấp cho Lê Quỳnh A; 01 chứng chỉ tin học trình độ B cấp cho Vương Văn C; 31 tem tròn bảy màu ghi "Bộ giáo dục và đào tạo".

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước ½ giá trị: 01 bàn phím hiệu Dell màu đen, 01 PC máy tính, 01 máy in màu hiệu Canon, 01 chuột máy tính hiệu Dell màu đen, 01 máy ép plastic, 01 màn hình màu trắng hiệu HKC và hoàn trả ½ giá trị các tài sản nêu trên cho bà Đặng Thị H1.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị 01 xe đạp điện màu đen thu giữ của Trần Thế T1. Hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe trên cho bà Nguyễn Thị T2.

Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 số IME1: 867556064020491, IME2: 867556064020483 lắp sim số 0966275520, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus số IME 355839088443645 lắp sim số 0964387563;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Vương Văn C;

Hoàn trả bị cáo Vương Văn C và bà Đặng Thị H1 01 máy Scan hiệu Epson màu đen, được dán niêm phong (*theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vương Văn C và Trần Thế T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Nam Sách;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT – Công an huyện Nam Sách;
- CQTHAHS – Công an huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã Nam Chính;
- Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐOÀN THỊ DIỆP